



**Deloitte.**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**  
*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI  
Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

---

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 28



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**  
Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Kim Lâm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Khắc Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên
Ông Hoàng Mạnh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Hằng	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Khắc Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2012)
Ông Nguyễn Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thủy	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2012)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI  
Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Khắc Sơn  
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 8 năm 2012

Số: *102* /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 04 đến trang 28. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Như trình bày tại Thuyết minh số 3 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2012, Công ty chưa đánh giá lại khoản mục vay dài hạn có gốc ngoại tệ theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước công bố. Nếu thực hiện đánh giá lại khoản mục vay dài hạn có gốc ngoại tệ theo quy định của thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201"), khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" sẽ giảm 33.579.181.475 VND, khoản mục "Vay và nợ ngắn hạn" sẽ tăng 33.579.181.475 VND, khoản mục "Vay và nợ dài hạn" sẽ giảm 69.906.346.872 VND và lợi nhuận trong kỳ sẽ tăng 69.906.346.872 VND. Đồng thời, Công ty chưa phân bổ hết số lỗ chênh lệch tỷ giá để bù trừ hết lợi nhuận trong kỳ.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201"). Thông tư 201 quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Ảnh hưởng của việc Công ty áp dụng Thông tư 201 đến báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 được trình bày tại



**Phạm Hoài Nam**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0042/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 09 tháng 8 năm 2012  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Vũ Mai Hương**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0897/KTV

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website [www.deloitte.com/about](http://www.deloitte.com/about) để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MÃ SỐ B 01-DN  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh		
			30/6/2012	31/12/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>6.215.660.614.547</b>	<b>5.673.112.366.549</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>540.023.872.939</b>	<b>1.178.261.959.849</b>
1. Tiền	111		18.303.872.939	423.959.849
2. Các khoản tương đương tiền	112		521.720.000.000	1.177.838.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>2.966.001.965.073</b>	<b>2.826.901.965.073</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2.966.001.965.073	2.826.901.965.073
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.001.074.730.928</b>	<b>942.716.408.860</b>
1. Phải thu khách hàng	131	6	1.887.892.516.308	895.099.760.932
2. Trả trước cho người bán	132		110.074.197.080	47.530.596.404
3. Các khoản phải thu khác	135		3.108.017.540	86.051.524
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>679.674.416.414</b>	<b>688.836.123.620</b>
1. Hàng tồn kho	141		829.263.178.332	832.424.885.538
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(149.588.761.918)	(143.588.761.918)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>28.885.629.193</b>	<b>36.395.909.147</b>
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		28.242.164.804	35.817.827.558
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		643.464.389	578.081.589
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>5.732.986.636.200</b>	<b>6.104.303.409.965</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.703.130.587.708</b>	<b>3.111.582.590.957</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	2.436.868.969.538	2.776.934.531.536
- Nguyên giá	222		13.305.504.514.180	13.303.554.674.059
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.868.635.544.642)	(10.526.620.142.523)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	24.032.045.981	26.963.601.521
- Nguyên giá	228		57.622.081.586	57.622.081.586
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(33.590.035.605)	(30.658.480.065)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	242.229.572.189	307.684.457.900
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.730.444.100.050</b>	<b>2.689.372.100.050</b>
1. Đầu tư và công ty con	251	11	27.476.250.000	27.476.250.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	12	1.193.455.770.150	1.193.455.770.150
3. Đầu tư dài hạn khác	258	13	1.552.995.079.900	1.512.995.079.900
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	13	(43.483.000.000)	(44.555.000.000)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>299.411.948.442</b>	<b>303.348.718.958</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		7.617.008.916	11.553.779.432
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	291.794.939.526	291.794.939.526
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>11.948.647.250.747</b>	<b>11.777.415.776.514</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh		
			30/6/2012	31/12/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>8.423.514.942.002</b>	<b>8.831.918.578.768</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>992.804.727.174</b>	<b>1.153.958.153.209</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	457.064.964.430	495.304.569.014
2. Phải trả người bán	312		77.726.548.873	243.645.966.474
3. Người mua trả tiền trước	313		1.942.672.582	535.297.250
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	13.838.081.487	7.277.463.730
5. Phải trả người lao động	315		24.655.542.381	26.431.063.631
6. Chi phí phải trả	316	17	400.530.463.940	372.371.064.061
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		7.634.388.747	6.576.472.029
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		9.412.064.734	1.816.257.020
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.430.710.214.828</b>	<b>7.677.960.425.559</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	18	7.429.568.535.439	7.677.220.819.945
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.141.679.389	739.605.614
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>3.525.132.308.745</b>	<b>2.945.497.197.746</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>3.525.132.308.745</b>	<b>2.945.497.197.746</b>
1. Vốn điều lệ	411		3.262.350.000.000	3.262.350.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		149.746.010.040	149.746.010.040
3. Cổ phiếu quỹ	414		(125.602.728.849)	(125.602.728.849)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(320.613.317.012)	(717.705.848.290)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		268.720.716.781	268.720.716.781
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		82.500.000.000	82.500.000.000
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		208.031.627.785	25.489.048.064
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>11.948.647.250.747</b>	<b>11.777.415.776.514</b>



Kế toán trưởng

Người lập

Nguyễn Khắc Sơn

Lê Thế Sơn

Nguyễn Quang Huy

Ngày 09 tháng 8 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	2.182.495.428.681	2.237.552.589.610
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2.182.495.428.681	2.237.552.589.610
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	1.789.203.791.542	1.852.324.674.499
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		393.291.637.139	385.227.915.111
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	294.729.071.380	208.224.953.066
7. Chi phí tài chính	22	23	452.216.317.862	142.219.904.467
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		105.235.924.492	116.331.587.792
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		41.135.806.341	39.668.581.088
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		194.668.584.316	411.564.382.622
10. Thu nhập khác	31		5.496.960.623	2.270.510.596
11. Chi phí khác	32		3.622.965.218	2.131.416.132
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.873.995.405	139.094.464
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		196.542.579.721	411.703.477.086
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	-	46.563.682.087
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		196.542.579.721	365.139.794.999

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập



Nguyễn Khắc Sơn

Lê Thế Sơn

Nguyễn Quang Huy

Ngày 09 tháng 8 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

**MẪU SỐ B 03-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	196.542.579.721	411.703.477.086
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	346.449.118.401	349.469.007.645
- Các khoản dự phòng	03	4.928.000.000	13.082.000.000
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	397.092.531.278	-
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(294.759.846.502)	(208.224.953.066)
- Chi phí lãi vay	06	105.235.924.492	116.331.587.792
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	755.488.307.390	682.361.119.457
- Biến động các khoản phải thu	09	(814.251.101.961)	(986.809.778.543)
- Biến động hàng tồn kho	10	3.161.707.206	12.675.534.137
- Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả)	11	(8.433.147.079)	76.915.927.317
- Biến động chi phí trả trước	12	3.936.770.516	500.765.327
- Tiền lãi vay đã trả	13	(106.607.845.627)	(110.237.796.733)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(51.284.757.120)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	38.279.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(6.404.192.286)	(12.630.895.925)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(173.109.501.841)	(388.471.603.083)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(58.299.602.328)	(277.696.474)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.167.184.444.444)	(1.136.500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.028.084.444.444	1.163.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(40.000.000.000)	(323.787.932.500)
5. Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	58.162.906.349	135.063.094.733
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(179.236.695.979)	(162.502.534.241)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(285.891.889.090)	(209.412.677.374)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(285.891.889.090)	(209.412.677.374)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(638.238.086.910)	(760.386.814.698)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.178.261.959.849	1.370.774.920.006
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	540.023.872.939	610.388.105.308



Tổng Giám đốc

Nguyễn Khắc Sơn

Kế toán trưởng

Lê Thế Sơn

Người lập

Nguyễn Quang Huy

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**  
Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Theo Quyết định số 16/2005/QĐ-BCN ngày 30 tháng 3 năm 2005 của Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương), Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại được chuyển thành Công ty Nhiệt điện Phả Lại, là công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam. Công ty Nhiệt điện Phả Lại đã hoàn thành công tác cổ phần hoá và chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0403000380 ngày 25 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ ba số 0800296853 ngày 11 tháng 8 năm 2010, tổng vốn điều lệ của Công ty là 3.262.350.000.000 VND.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 1.445 (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.470).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện). Toàn bộ sản lượng điện của Công ty phát lên điện lưới Quốc gia được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỷ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Đây là báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn và dài hạn.

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, riêng nguyên vật liệu là than dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập trong kỳ cho giá trị vật tư thiết bị dự phòng dùng cho việc sửa chữa, thay thế của Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Khoản dự phòng này được lập theo ước tính về giá trị vật tư bị suy giảm hàng kỳ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	08 - 12
Phương tiện vận tải	10 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 25

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm và giá trị phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí sửa chữa lớn**

Chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận toàn bộ vào chi phí kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được theo dõi trên sổ dự khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” đồng thời với khoản mục “Chi phí phải trả” trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục trên.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là một công ty mà Công ty có quyền kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này. Trên báo cáo tài chính riêng, đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Trên báo cáo tài chính riêng, đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

**Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện Quốc gia và hoá đơn được phát hành.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**  
Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu ngắn hạn và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (hoặc được ghi nhận một phần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ). Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và được phân bổ vào chi phí tối đa không quá 5 năm. Trong kỳ, Công ty đã phân bổ lỗ chênh lệch tỷ giá từ đánh giá lại khoản vay dài hạn vào kết quả kinh doanh với số tiền là 320.613.317.012 VND.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Theo đó, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 giảm 397.092.531.278 VND (năm 2011: tăng 717.705.848.290 VND) và khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 sẽ giảm 320.613.317.012 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 giảm 717.705.848.290 VND) so với áp dụng theo VAS10.

Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2012, Công ty chưa thực hiện đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của khoản mục vay dài hạn có gốc ngoại tệ. Nếu thực hiện đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ theo quy định của Thông tư 201, khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” sẽ giảm 33.579.181.475 VND, khoản mục “Vay và nợ ngắn hạn” sẽ tăng 33.579.181.475 VND, khoản mục “Vay và nợ dài hạn” sẽ giảm 69.906.346.872 VND và lợi nhuận trong kỳ sẽ tăng 69.906.346.872 VND.

#### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Theo các quy định về ưu đãi miễn giảm thuế tại các văn bản bao gồm Nghị định số 164/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22 tháng 12 năm 2003, Thông tư số 128/2003/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2003, Công văn số 5248/TC-CST của Bộ Tài chính ngày 29 tháng 4 năm 2005 về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho tổ chức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công văn số 11924/TC-CST của Bộ Tài chính ngày 20 tháng 10 năm 2004 và Công văn số 1591/TCT/DNN của Tổng cục Thuế ngày 04 tháng 5 năm 2006, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 5 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo. Năm 2012 là năm thứ hai Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Theo Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2008, thu nhập từ hoạt động tài chính và hoạt động khác không thuộc đối tượng được ưu đãi và miễn giảm thuế. Các hoạt động nêu trên chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%. Quy định này được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	149.225.104	70.756.105
Tiền gửi ngân hàng	18.154.647.835	353.203.744
Các khoản tương đương tiền (i)	521.720.000.000	1.177.838.000.000
	<b>540.023.872.939</b>	<b>1.178.261.959.849</b>

- (i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng ba tháng. Các khoản này được tính lãi theo lãi suất cố định và có thể chuyển đổi thành tiền gửi không kỳ hạn vào bất kỳ thời điểm nào.

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	395.000.000.000	55.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn khác (ii)	2.571.001.965.073	2.771.901.965.073
	<b>2.966.001.965.073</b>	<b>2.826.901.965.073</b>

- (i) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên ba tháng nhưng dưới một năm. Các khoản này được tính theo lãi suất cố định.
- (ii) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn khác bao gồm khoản ủy thác đầu tư tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt (BVFMC), ủy thác quản lý vốn tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC), ủy thác quản lý đầu tư tại Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (EVN Finance) và khoản tiền Tập đoàn Điện lực Việt Nam huy động vốn từ Công ty.

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu tiền điện (i)	1.557.113.002.200	732.504.499.886
Dự thu lãi tiền gửi, đầu tư tài chính	325.376.860.158	158.336.926.135
Phải thu khách hàng khác	5.402.653.950	4.258.334.911
	<b>1.887.892.516.308</b>	<b>895.099.760.932</b>

- (i) Ngày 12 tháng 6 năm 2012, Công ty ký Biên bản thỏa thuận về việc chậm thanh toán tiền điện với Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EPTC"), theo đó tiền điện phải thu từ Công ty Mua bán điện được thanh toán chậm hơn so với lịch thanh toán trong hợp đồng mua bán điện.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	823.629.961.732	826.400.327.901
Công cụ, dụng cụ	5.618.306.600	5.821.728.079
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	14.910.000	6.000.000
Thành phẩm	-	196.829.558
	<b>829.263.178.332</b>	<b>832.424.885.538</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(149.588.761.918)	(143.588.761.918)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>679.674.416.414</b>	<b>688.836.123.620</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHÁ LẠI**

Phòng Phá Lại, Thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**Báo cáo tài chính**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

**MẪU SỐ B 09-DN****8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản có định khác	Tổng cộng
Đơn vị: VND						
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2012	1.712.650.606.158	11.484.803.756.721	64.261.732.797	38.785.081.319	3.053.497.064	13.303.554.674.059
Tăng trong kỳ	-	879.047.926	15.311.383.465	4.583.593.741	-	20.774.025.132
Mua sắm mới	-	879.047.926	-	2.698.173.807	-	3.577.221.733
Tăng khác	-	-	15.311.383.465	1.885.419.934	-	17.196.803.399
Giảm trong kỳ	-	17.196.803.399	1.627.381.612	-	-	18.824.185.011
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.627.381.612	-	-	1.627.381.612
Giảm khác	-	17.196.803.399	-	-	-	17.196.803.399
Tại ngày 30/6/2012	1.712.650.606.158	11.468.486.001.248	77.945.734.650	43.368.675.060	3.053.497.064	13.305.504.514.180
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2012	1.207.884.561.427	9.246.993.624.893	36.968.214.648	33.234.497.068	1.539.244.487	10.526.620.142.523
Tăng trong kỳ	25.415.885.304	313.330.847.462	17.435.629.470	3.655.929.310	186.154.884	360.024.446.430
Trích khấu hao	25.352.196.666	313.330.097.462	2.882.139.475	1.770.509.376	182.619.882	343.517.562.861
Tăng khác	63.688.638	750.000	14.553.489.995	1.885.419.934	3.535.002	16.506.883.569
Giảm trong kỳ	-	16.438.909.929	1.570.134.382	-	-	18.009.044.311
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.570.134.382	-	-	1.570.134.382
Giảm khác	-	16.438.909.929	-	-	-	16.438.909.929
Tại ngày 30/6/2012	1.233.300.446.731	9.543.885.562.426	52.833.709.736	36.890.426.378	1.725.399.371	10.868.635.544.642
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 30/6/2012	479.350.159.427	1.924.600.438.822	25.112.024.914	6.478.248.682	1.328.097.693	2.436.868.969.538
Tại ngày 31/12/2011	504.766.044.731	2.237.810.131.828	27.293.518.149	5.550.584.251	1.514.252.577	2.776.934.531.536

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 với giá trị là 4.569.432.420.490 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 4.549.403.236.203 VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**MÃU SỐ B 09-DN****9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2012	57.274.433.766	347.647.820	57.622.081.586
Tăng trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/6/2012	57.274.433.766	347.647.820	57.622.081.586
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2012	30.469.483.786	188.996.279	30.658.480.065
Trích khấu hao	2.873.614.236	57.941.304	2.931.555.540
Tại ngày 30/6/2012	33.343.098.022	246.937.583	33.590.035.605
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 30/6/2012	23.931.335.744	100.710.237	24.032.045.981
Tại ngày 31/12/2011	26.804.949.980	158.651.541	26.963.601.521

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Sửa chữa lớn tài sản cố định (i)	241.607.824.311	307.068.401.622
Xây dựng cơ bản khác	621.747.878	616.056.278
	<b>242.229.572.189</b>	<b>307.684.457.900</b>

(i) Chi phí sửa chữa lớn được phê duyệt theo kế hoạch của năm 2012 là 300 tỷ VND, Công ty đã thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn cho 6 tháng đầu năm 2012 với số tiền 150 tỷ VND. Công ty sẽ thực hiện việc điều chỉnh theo chi phí sửa chữa lớn thực tế phát sinh vào thời điểm cuối năm.

**11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	27.476.250.000	27.476.250.000

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	Hải Dương	50	60	Sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy điện

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**MÃ SỐ B 09-DN****12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	1.193.455.770.150	1.193.455.770.150

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ	Tỷ lệ quyền	Hoạt động chính
		sở hữu	biểu quyết	
		%	năm giữ	
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Hải Phòng	21,49	21,49	Sản xuất điện

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện việc đánh giá thận trọng khoản đầu tư vào công ty liên kết và tin tưởng rằng không cần trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư này.

**13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay (i)	350.000.000.000	350.000.000.000
Đầu tư trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ii)	118.151.962.500	118.151.962.500
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (iii)	817.295.117.400	817.295.117.400
Góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (iii)	70.800.000.000	70.800.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (iii)	100.000.000.000	60.000.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (iii)	50.250.000.000	50.250.000.000
Đầu tư chứng khoán khác (iv)	46.498.000.000	46.498.000.000
	<b>1.552.995.079.900</b>	<b>1.512.995.079.900</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(43.483.000.000)	(44.555.000.000)
	<b>1.509.512.079.900</b>	<b>1.468.440.079.900</b>

(i) **Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay:** Công ty cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay vốn để đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Lai Châu. Hợp đồng có thời hạn 15 năm và số tiền cho vay được hình thành do bù trừ khoản phải thu của Công ty với Công ty Mua bán điện.

(ii) **Đầu tư trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam:** Hợp đồng mua bán chứng khoán niêm yết theo phương thức giao dịch thỏa thuận với số tiền là 117.975.000.000 VND với mục đích mua trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Trái phiếu có thể được Tổ chức phát hành mua lại vào ngày 19 tháng 5 năm 2016.

(iii) Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh, Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn, Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam và Công ty Cổ phần EVN Quốc tế với tỷ lệ vốn góp lần lượt là 16,35%, 15%, 10% và 19,30%. Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2012, khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế chưa được góp đủ như kế hoạch nhưng chưa có gia hạn góp vốn.

(iv) **Đầu tư chứng khoán khác:** là khoản đầu tư mua 670.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện việc đánh giá thận trọng các khoản đầu tư dài hạn này và tin tưởng rằng không cần trích lập dự phòng giảm giá, ngoại trừ khoản đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2011	291.794.939.526	34.544.288.606	326.339.228.132
Điều chỉnh vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	(34.544.288.606)	(34.544.288.606)
Tại ngày 01/01/2012	291.794.939.526	-	291.794.939.526
Tăng/(Giảm) lợi nhuận trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/6/2012	291.794.939.526	-	291.794.939.526

**15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18)	457.064.964.430	495.304.569.014
	<b>457.064.964.430</b>	<b>495.304.569.014</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	12.888.484.767	-
Thuế thu nhập cá nhân	350.230.600	66.170.400
Các loại thuế khác	599.366.120	7.211.293.330
	<b>13.838.081.487</b>	<b>7.277.463.730</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/6/2012		31/12/2011	
	VND		VND	
Lãi vay phải trả	61.148.078.865		62.520.000.000	
Sửa chữa lớn chưa quyết toán	337.779.599.457		307.068.401.622	
Các khoản khác	1.602.785.618		2.782.662.439	
	<b>400.530.463.940</b>		<b>372.371.064.061</b>	

**18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	30/6/2012		31/12/2011	
	JPY	VND tương đương	JPY	VND tương đương
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	29.707.876.385	7.886.633.499.869	30.636.247.522	8.172.525.388.959
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(1.856.742.274)	(457.064.964.430)	(1.856.742.274)	(495.304.569.014)
<b>Số dư vay dài hạn</b>	<b>27.851.134.111</b>	<b>7.429.568.535.439</b>	<b>28.779.505.248</b>	<b>7.677.220.819.945</b>

Khoản vay trên được thực hiện bằng Yên Nhật Bản (JPY) theo Hợp đồng số 002/2006/HDCVL ngày 30 tháng 11 năm 2006 về việc Tập đoàn Điện lực Việt Nam cho Công ty vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) để đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Khoản vay này bắt đầu được ghi nhận tại thời điểm bàn giao vốn Nhà nước cho Công ty Cổ phần là ngày 26 tháng 12 năm 2006. Thời hạn cho vay lại là 22 năm 6 tháng, gốc vay và lãi vay được trả mỗi năm hai kỳ vào ngày 20 tháng 3 và 20 tháng 9 hàng năm với số tiền gốc bằng nhau cho mỗi kỳ là 1.124.639.158 JPY. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 03 năm 2006 và kỳ cuối cùng vào ngày 20 tháng 03 năm 2028. Lãi suất vay là lãi suất cho vay lại của Bộ Tài chính theo từng hiệp định vay vốn được thông báo bởi Bộ Tài chính (bao gồm lãi suất cho vay của JBIC và phí quản lý khoản vay của Bộ Tài chính). Lãi suất cho vay bình quân của các khoản vay theo từng hiệp định là 2,43%/năm, phí cho vay lại của Tập đoàn Điện lực Việt Nam là 0,2%/năm. Lãi vay và phí cho vay lại được tính trên số dư nợ gốc vay và số ngày thực tế trong kỳ tính lãi. Khoản vay này được Bộ Tài chính bảo lãnh với JBIC và không có tài sản đảm bảo.

*Các khoản vay trên được hoàn trả theo lịch biểu sau:*

	30/6/2012		31/12/2011	
	JPY	VND tương đương	JPY	VND tương đương
Trong vòng một năm	1.856.742.274	457.064.964.430	1.856.742.274	495.304.569.014
Trong năm thứ hai	1.856.742.274	457.064.964.430	1.856.742.274	495.304.569.014
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	5.570.226.822	1.371.194.893.290	5.570.226.822	1.485.913.707.037
Sau năm năm	20.424.165.015	5.601.308.677.719	21.352.536.152	5.696.002.543.894
	<b>29.707.876.385</b>	<b>7.886.633.499.869</b>	<b>30.636.247.522</b>	<b>8.172.525.388.959</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(1.856.742.274)	(457.064.964.430)	(1.856.742.274)	(495.304.569.014)
<b>Số phải trả dài hạn</b>	<b>27.851.134.111</b>	<b>7.429.568.535.439</b>	<b>28.779.505.248</b>	<b>7.677.220.819.945</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỊT ĐIỆN PHÁ LẠI**

Phường Phá Lại, Thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Báo cáo tài chính  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

MÃ UỐ B 09-DN

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU***Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn điều lệ VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại ngày 01/01/2011	3.262.350.000.000	108.544.202.558	(90.866.736.821)	-	309.922.524.263	82.500.000.000	55.296.954.984
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(34.736.002.028)	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá trong năm	-	-	-	(717.705.848.290)	-	-	-
Chuyển các quỹ trong năm	-	41.201.807.482	-	-	(41.201.807.482)	-	-
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	(29.807.906.920)
Số dư tại ngày 01/01/2012	3.262.350.000.000	149.746.010.040	(125.602.728.849)	(717.705.848.290)	268.720.716.781	82.500.000.000	25.489.048.064
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	196.542.579.721
Chênh lệch tỷ giá trong kỳ	-	-	-	397.092.531.278	-	-	-
Chuyển các quỹ trong kỳ (i)	-	-	-	-	-	-	(14.000.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2012	3.262.350.000.000	149.746.010.040	(125.602.728.849)	(320.613.317.012)	268.720.716.781	82.500.000.000	208.031.627.785

(i) Phân phối vào quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 56 ngày 07 tháng 3 năm 2012. Đại hội đồng cổ đông chưa có quyết định về việc tạm phân phối này.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ nhất ngày 24 tháng 05 năm 2007, vốn điều lệ của Công ty là 3.262.350.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, vốn điều lệ của Công ty đã các cổ đông được góp đủ như sau:

Vốn đã góp	
30/6/2012	31/12/2011
VND	VND
1.663.918.960.000	1.663.918.960.000
382.224.300.000	392.380.600.000
1.216.206.740.000	1.206.050.440.000
<b>3.262.350.000.000</b>	<b>3.262.350.000.000</b>
(%)	(%)
51,00	51,00
11,72	12,03
37,28	36,97
<b>100,00</b>	<b>100,00</b>

Tập đoàn Điện lực Việt Nam  
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực  
Cổ đông khác



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND
<b>Hoạt động sản xuất điện</b>	<b>2.175.581.382.465</b>	<b>2.233.973.933.623</b>
Doanh thu bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam	2.174.535.699.694	2.232.812.988.287
Điện tự dùng	1.045.682.771	1.160.945.336
<b>Hoạt động khác</b>	<b>6.914.046.216</b>	<b>3.578.655.987</b>
Doanh thu hoạt động khác	6.914.046.216	3.578.655.987
	<b>2.182.495.428.681</b>	<b>2.237.552.589.610</b>

Doanh thu bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam thông qua Công ty Mua bán điện (EPTC) chưa bao gồm doanh thu của sản lượng điện chênh lệch giữa sản lượng điện bán thực tế năm 2011 với sản lượng điện bán bình quân/năm theo hợp đồng mua bán điện đã ký giữa Công ty với EPTC. Đối với giá trị doanh thu của phần sản lượng chênh lệch này, Công ty và EPTC vẫn đang trong quá trình thương thảo, thống nhất với Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND
<b>Hoạt động sản xuất điện</b>	<b>1.787.465.840.004</b>	<b>1.852.193.262.024</b>
Chi phí than, dầu	1.146.980.611.838	1.140.686.155.241
Chi phí khấu hao	338.873.646.600	339.149.019.806
Chi phí sửa chữa lớn	150.000.000.000	264.806.157.660
Chi phí lương và bảo hiểm xã hội	92.355.198.261	79.202.298.160
Chi phí phụ liệu	7.164.299.710	9.290.156.710
Chi phí khác	52.092.083.595	19.059.474.447
<b>Hoạt động khác</b>	<b>1.737.951.538</b>	<b>131.412.475</b>
	<b>1.789.203.791.542</b>	<b>1.852.324.674.499</b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	229.656.347.459	154.963.032.703
Lãi từ hoạt động đầu tư tài chính	65.103.499.043	53.257.813.004
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	(30.775.122)	4.107.359
	<b>294.729.071.380</b>	<b>208.224.953.066</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	105.235.924.492	116.331.587.792
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	347.923.909.903	22.651.771.221
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(1.072.000.000)	-
Chi phí tài chính khác	128.483.467	3.236.545.454
	<b>452.216.317.862</b>	<b>142.219.904.467</b>

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
	VND	VND
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ</b>		
Lợi nhuận trước thuế	196.542.579.721	411.703.477.086
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(196.542.579.721)	1.117.717.466
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(197.508.601.375)	-
Chi phí chênh lệch tỷ giá đã tính thuế các năm trước	194.445.016.678	-
Cổ tức được chia	2.750.000.000	-
Khác	313.584.697	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	966.021.654	1.117.717.466
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>-</b>	<b>412.821.194.552</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Thu nhập từ hoạt động chính</b>	<b>(189.910.307.863)</b>	<b>323.666.380.291</b>
<b>Thu nhập từ hoạt động khác</b>	<b>189.910.307.863</b>	<b>89.154.814.261</b>
<i>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</i>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động chính	7,5%	7,5%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động khác	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>46.563.682.087</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện). Toàn bộ sản lượng điện của Công ty phát lên điện lưới Quốc gia được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN). Công ty có trụ sở chính và hoạt động tại Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Theo đó, toàn bộ Công ty được coi là một bộ phận lập báo cáo tài chính.

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 và 18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi số	
	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	540.023.872.939	1.178.261.959.849
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.891.000.533.848	895.185.812.456
Đầu tư ngắn hạn	2.966.001.965.073	2.826.901.965.073
Đầu tư dài hạn khác	1.509.512.079.900	1.468.440.079.900
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.906.538.451.760</b>	<b>6.368.789.817.278</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	7.886.633.499.869	8.172.525.388.959
Phải trả người bán và phải trả khác	85.360.937.620	250.222.438.503
Chi phí phải trả	158.300.891.751	64.686.606.161
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.130.295.329.240</b>	<b>8.487.434.433.623</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2012	31/12/2011	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Yên Nhật (JPY)	7.886.633.499.869	8.172.525.388.959	-	-

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 27.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/6/2012	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	457.064.964.430	7.429.568.535.439	7.886.633.499.869
Phải trả người bán và phải trả khác	85.360.937.620	-	85.360.937.620
Chi phí phải trả	158.300.891.751	-	158.300.891.751
	<b>700.726.793.801</b>	<b>7.429.568.535.439</b>	<b>8.130.295.329.240</b>
31/12/2011	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	495.304.569.014	7.677.220.819.945	8.172.525.388.959
Phải trả người bán và phải trả khác	250.222.438.503	-	250.222.438.503
Chi phí phải trả	64.686.606.161	-	64.686.606.161
	<b>810.213.613.678</b>	<b>7.677.220.819.945</b>	<b>8.487.434.433.623</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2012	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	540.023.872.939	-	540.023.872.939
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.891.000.533.848	-	1.891.000.533.848
Đầu tư ngắn hạn	2.966.001.965.073	-	2.966.001.965.073
Đầu tư dài hạn khác	-	1.509.512.079.900	1.509.512.079.900
	<b>5.397.026.371.860</b>	<b>1.509.512.079.900</b>	<b>6.906.538.451.760</b>

31/12/2011	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.178.261.959.849	-	1.178.261.959.849
Phải thu khách hàng và phải thu khác	895.185.812.456	-	895.185.812.456
Đầu tư ngắn hạn	2.826.901.965.073	-	2.826.901.965.073
Đầu tư dài hạn khác	-	1.468.440.079.900	1.468.440.079.900
	<b>4.900.349.737.378</b>	<b>1.468.440.079.900</b>	<b>6.368.789.817.278</b>

**27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND
<b>Doanh thu</b>		
Bán điện cho Công ty Mua bán điện	2.174.535.699.694	2.232.812.988.287
<b>Trả gốc vay và lãi vay</b>		
Trả gốc vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	285.891.889.090	209.412.677.374
Bù trừ gốc vay và khoản phải thu với Tập đoàn Điện lực Việt Nam	285.891.889.090	209.412.677.374
Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	105.235.924.492	116.331.587.792
<b>Mua hàng hóa và dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	30.290.745.431	39.007.835.706
<b>Lãi đầu tư, cho vay</b>		
Thu nhập lãi cho vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	179.219.444.444	81.561.944.444
<b>Cổ tức</b>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	2.750.000.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư với các bên liên quan:

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	7.886.633.499.869	8.172.525.388.959
Phải thu Công ty Mua bán điện	1.557.113.002.200	732.504.499.886
Phải trả Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	16.600.268.353	62.720.231.264
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải phòng	1.193.455.770.150	1.193.455.770.150
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	817.295.117.400	817.295.117.400
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	27.476.250.000	27.476.250.000
Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay	2.350.000.000.000	2.350.000.000.000





Thu nhập của Ban Giám đốc:

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
	đến 30/6/2012	đến 30/6/2011
	VND	VND
Lương	427.127.200	404.306.200

**28. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

 <b>Tổng Giám đốc</b>  <hr/> <b>Nguyễn Khắc Sơn</b> Ngày 09 tháng 8 năm 2012	<b>Kế toán trưởng</b>  <hr/> <b>Lê Thế Sơn</b>	<b>Người lập</b>  <hr/> <b>Nguyễn Quang Huy</b>
--	---	--